



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIẾN**

*Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.*

*ĐT: 02113888666 Fax: 02113888506 Website: [viglacerabahien.com](http://viglacerabahien.com)*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# **2017**

## ***THÔNG TIN CHUNG***

- ❖ **Tổng quan**
- ❖ **Thông tin khái quát**
- ❖ **Ngành nghề hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Địa bàn hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Sơ đồ quản lý công ty**
- ❖ **Quá trình hình thành và phát triển**
- ❖ **Rủi ro**

## **1. TỔNG QUAN**

Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là nhà máy gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera – CTCP) được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty sản xuất hàng chục mặt hàng với nhiều sản phẩm gạch, ngói từ đất sét nung, phong phú dạng, mẫu mã đẹp, giá thành hợp lý, đã làm hài lòng người tiêu dùng trong cả nước. Sản phẩm của công ty đã tiếp cận được nhiều thị trường vùng cao và Miền Trung, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư và phát triển.

## 2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIẾN
Vốn điều lệ	10.000.130.000 VNĐ
Trụ sở chính	Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại	02113888666
Fax	02113888506
Website	Viglacerabahien.com
Giấy chứng nhận ĐKKD	2500222558
Mã cổ phiếu	BHV



### **3. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CỦA CÔNG TY**

#### ***Quá trình hình thành và phát triển.***

Công ty Cổ phần Bá Hiến Viglacera tiền thân là Nhà máy gạch Bá Hiến, một đơn vị của Công ty Gốm xây dựng Xuân Hoà thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng, được tách ra và cổ phần hoá theo quyết định số 1105/QĐ - BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, với chỉ đạo sát sao và quyết liệt của Đảng bộ và Ban Giám đốc cũng như nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Bá Hiến Viglacera đã và đang đạt được sự phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động và gia tăng giá trị doanh nghiệp của cổ đông. Công ty đã được Tổng Cục Đo lường - Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam trao tặng giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2004, khẳng định chính sách chất lượng nhất quán của Công ty.

Tháng 08/2006, Công ty dùng tiền từ Quỹ đầu tư phát triển để mua lại cổ phiếu của một số cán bộ công viên trong Công ty được mua ưu đãi theo khoản 1 Điều 27 chương IV Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002. Công ty đã chính thức niêm yết 900.000 cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/11/2006 theo Quyết định số 18/QĐ-TTGDHN ngày 18/10/2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

Năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ từ 9.000.000.000đ lên thành 10.000.130.000đ, và niêm yết bổ sung trên trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội 1.000.013 cổ phiếu

Ngày 20/05/2014, Công ty tiến hành hủy niêm yết theo Quyết định số 194/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 04 năm 2014 của Sở GDCK Hà Nội.

Từ một nhà máy sản xuất các loại sản phẩm chính như: Gạch xây R60, gạch NT200 có giá trị thấp, chi phí về tiền lương, nguyên nhiên liệu cao; cơ cấu sản phẩm đã thay đổi sang sản xuất các loại sản phẩm có giá trị cao như: NT250, NT 300, ngói 22v/m<sup>2</sup>, ngói hài

Sau khi cải tạo lò nung số 2 từ nung gạch xây sang nung Ngói 22v/m<sup>2</sup>. Tháng 4/2006, Công ty đã tiếp tục cải tạo lò nung số 3, nâng công suất sản xuất Ngói 22v/m<sup>2</sup> lên 2 triệu v/năm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sản phẩm ngói của thị trường.

Thị phần của Công ty ngày càng mở rộng, từ một thương hiệu ít ai biết tới, đến nay sản phẩm của công ty đã được giới thiệu và bán trên các khu vực: Miền Bắc và Miền Trung.

Bằng những kinh nghiệm thực tiễn, Công ty đã tư vấn, chuyển giao công nghệ cho một số Công ty kinh doanh sản xuất vật liệu xây dựng như: Công ty Cổ phần Xây dựng vật liệu Văn Giang, Công ty TNHH khoáng sản Hà Nam, Công ty Cổ phần Kênh Cầu, Công ty Cổ phần gạch Tuynel Phan Thiết...

**Quá trình tăng vốn điều lệ:**

**Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ**

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng	Căn cứ
2009	9.000.000.000	1.000.130.000	Góp vốn từ cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận ĐKKD số 2500222558 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

## ***NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***

- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét nung;
- ✓ Khai thác, gia công, chế biến nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất vật liệu xây dựng;
- ✓ Tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- ✓ Mua bán máy móc thiết bị phụ tùng thay thế;
- ✓ Xây dựng kinh doanh các công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Đại lý mua bán xăng dầu;
- ✓ Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe ô tô tải;
- ✓ Mua bán vật liệu xây dựng;
- ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà Nước;



## **ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **3.1. Trụ sở chính của Công ty**

Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **3.2. Vĩnh Phúc**

#### **Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến**

Địa chỉ: Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

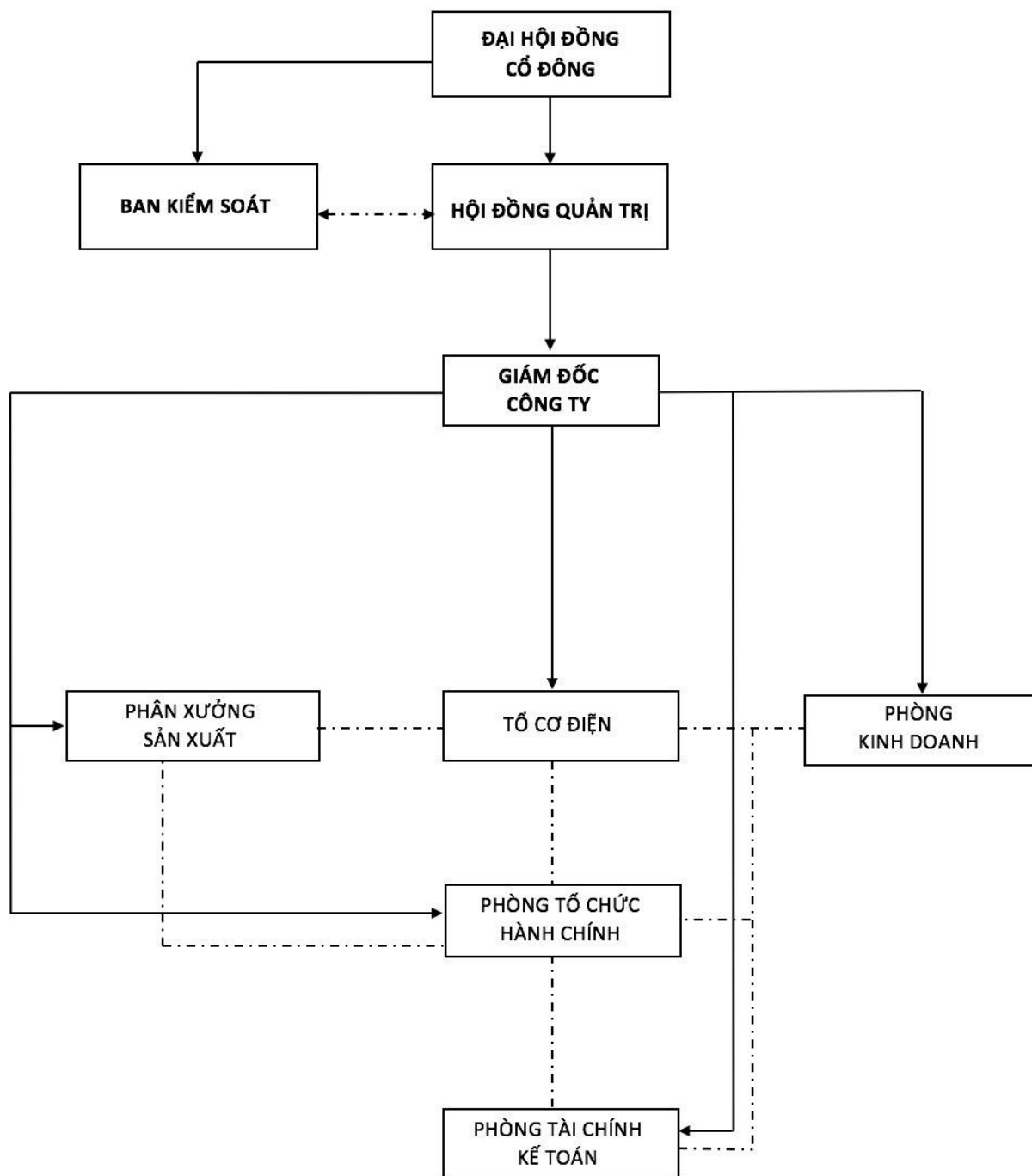
ĐT: 02113888500

Fax: 02113888506





#### 4. SƠ ĐỒ QUẢN LÝ CÔNG TY



## 5. ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm;
- Liên kết với các đối tác nước ngoài hoặc mua các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm chất lượng cao hiện trong nước chưa sản xuất được
- Đào tạo, nâng cao trình độ của các khâu kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thiết kế, chế tạo các sản phẩm phù hợp với đòi hỏi của thị trường và đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.
- Với mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa trong sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing, bao gồm:

- ✚ Thực hiện cơ chế khoán doanh thu đối với hệ thống các chi nhánh nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển thị trường. Cụ thể: thưởng trên phần doanh thu thực hiện vượt so với kế hoạch, tính theo tỷ lệ %.
- ✚ Thúc đẩy bán hàng thông qua hệ thống Nhà phân phối:
  - Khoán doanh thu chi tiết từng tháng, quý trên cơ sở đặc thù vùng thị trường, năng lực phân phối và mùa vụ tiêu thụ.
  - Hỗ trợ các dịch vụ trong bán hàng như vận chuyển, chăm sóc hệ thống đại lý cấp dưới của Nhà phân phối.
  - Hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, cung cấp tài liệu kỹ thuật, công nghệ, tư vấn đặc tính sản phẩm, cách thức phân phối, quảng cáo, quảng bá có tính chất gắn liền với Nhà phân phối.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ **Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh**  
Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.
- ✓ **Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ**  
Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.
- ✓ **Về chính sách thị trường và bán hàng**  
Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.
- ✓ **Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ**  
Có kế hoạch quảng bá trên Website của công ty.  
**Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật**
  - Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
  - Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, cơ giới hóa máy móc thiết bị.
  - Nâng cấp dây chuyền sản xuất gạch ngói và các sản phẩm trang trí.

- ✓ **Về chính sách đào tạo nhân lực**
  - Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao;
  - Mời chuyên gia đến hướng dẫn học tập;
- ✓ **Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp**
  - Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
  - Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
  - Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
  - Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.
  - Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.
- ✓ **Các hoạt động khác**
  - Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.
  - Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...
  - Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.
  - Doanh nghiệp cam đoan và chịu trách nhiệm tính khách quan và xác thực của các thông tin trong Hồ sơ cũng các tài liệu kèm theo.



## 6. RỦI RO

### 6.1. Rủi ro về kinh tế

Cũng như hầu hết các ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ khác, sự phát triển của ngành sản xuất gạch ngói có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng tương đối ổn định cùng với sự mở rộng và phát triển đa dạng các ngành nghề, chất lượng cuộc sống của người dân cũng đang được cải thiện và nâng cao đáng kể. Sự gia tăng trong nhu cầu xây dựng tạo ra nhiều cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành sản xuất gạch ngói. Tuy nhiên, nếu nền kinh tế diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi, tình hình hoạt động cũng như doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành có thể bị ảnh hưởng nhất định. Do vậy, công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

### 6.2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các Luật khác. Luật chứng khoán mới (năm 2013) đã có hiệu lực và Luật doanh nghiệp 2015 mới được ban hành. Trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp. Vì thế yêu cầu đặt ra đối với công ty là phải chú trọng nghiên cứu, cập nhật kiến thức về quá trình hội nhập cũng như môi trường pháp lý để có thể hạn chế những rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

### 6.3. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Là một doanh nghiệp sản xuất, sự biến động giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian gần đây, giá cả nguyên liệu chính có xu hướng tăng. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua nguyên vật liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

- ❖ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tổ chức và nhân sự**
- ❖ **Tình hình đầu tư, tình hình thực các dự án**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
- ❖ **Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội**

## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Kết quả hoạt động kinh doanh 2016 – 2017,

Đơn vị tính: đồng

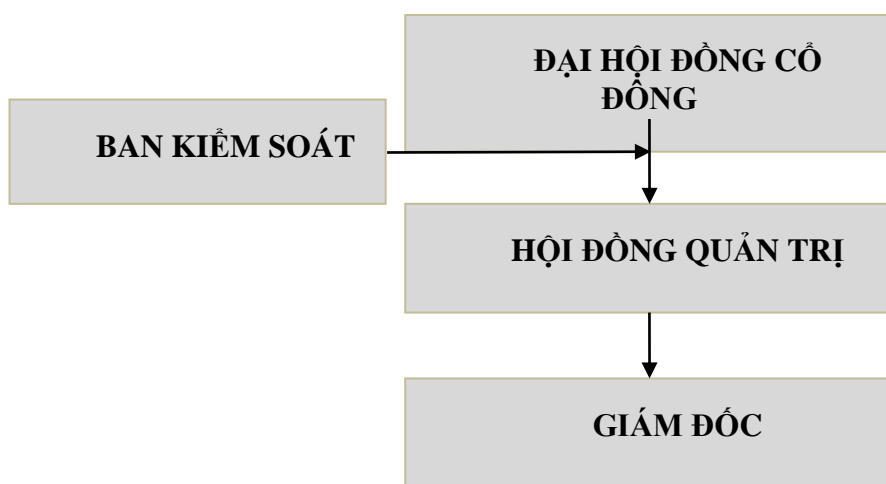
STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)	Năm 2017	% tăng, giảm năm 2017/2016
1	Tổng giá trị tài sản	42.417.952.706	48.896.740.909	115
2	Vốn chủ sở hữu	(17.553.866.702)	(17.208.423.899)	-
3	Doanh thu thuần	53.224.754.552	42.522.783.424	80
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.116.400.790	440.900.780	40
5	Lợi nhuận khác	(642.586.379)	(95.457.977)	-
6	Lợi nhuận trước thuế	473.814.411	345.442.803	73
7	Lợi nhuận sau thuế	473.814.411	345.442.803	73
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-
9	Giá trị sổ sách của cổ phiếu	487	355	-

Năm 2017 thị trường gạch ngói và thị trường xây dựng có nhiều thay đổi và giảm sút so với năm 2016, một phần do các công trình xây dựng nhà nước bắt buộc dùng gạch không nung đòi hỏi Công ty phải có sự đầu tư bài bản, chiến lược đúng mới tồn tại phát triển, sự thay đổi về cơ cấu và chất lượng sản phẩm .... có nhiều ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy qua số liệu báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 so năm 2016:

- ✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 128.371.608 đồng, tỷ lệ 73%.
- ✓ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 675.500.010 đồng, tỷ lệ 40%



## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- **Giám đốc**

Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.



## Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách với người lao động

Cơ cấu lao động: 176 người

**Bảng 14- Cơ cấu lao động theo trình độ lao động**

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sau đại học	1	0,48%
2	Đại học khác	11	6,25%
3	Cao đẳng	3	1,7%
4	Công nhân kỹ thuật	159	90,47%
5	Lao động phổ thông	2	1,1%
	<b>Tổng</b>	<b>176</b>	<b>100%</b>

### Chính sách với người lao động

#### Chính sách đối với người lao động:

- Công ty nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động theo qui định của pháp luật hiện hành, tạo công ăn việc làm thường xuyên
- Thực hiện kí kết hợp đồng lao động 100% đối với người lao động làm việc trong công ty
- Tham gia 100% bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo qui định của pháp luật
- Thực hiện các chế độ cho người lao động như: Cấp đủ Bảo hộ lao động theo kế hoạch cho CBCNV, chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động
- Thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu: Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, cải thiện tốt điều kiện làm việc cho công nhân như phục vụ đủ nước uống, quạt mát, dụng cụ sản xuất đủ theo yêu cầu
- Thực hiện việc nấu ăn ca cho người lao động thường xuyên
- Hằng năm, thực hiện nâng bậc lương cho người lao động,
- Thanh toán nhanh, dứt điểm tiền lương hàng tháng cho công nhân, đảm bảo thu nhập bình quân
- Mức lương bình quân năm 2016 là: 5.164.000 đồng/người  
Mức lương bình quân năm 2017 là: 5.430.000 đồng/người

### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- ✓ Duy trì đảm bảo sản xuất:
  - Về công tác Bảo dưỡng và sửa chữa máy: Đảm bảo máy móc các phân xưởng hoạt động đạt hiệu suất >90%. Kết hợp giữa sửa chữa và bảo dưỡng nhỏ, cục bộ. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng một số máy bị hỏng hóc dừng sản xuất.
- ✓ Đầu tư mới hạng mục: Nhà ăn ca.
  - Sửa chữa hệ thống xe goòng.
  - Sửa chữa cánh kính.
  - Sửa chữa các công trình phụ trợ khác.....

### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	0,43	0,36
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH	-	0,09	0,05
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>	-		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	-		
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	-		
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng	1,57	2,35
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	0,87	1,25
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,008	0,0089
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	-		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	-	0,007	0,011
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	-	0,01	0,02

*Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2017 cho thấy*

#### 4.1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn đo lường khả năng thanh toán của công ty trong ngắn hạn tại một thời điểm. Hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy Năm 2017 công ty có 0,43 đồng tài sản ngắn hạn đảm bảo cho 1 đồng nợ ngắn hạn; tăng so với năm 2016 là 0,07 đồng chứng tỏ khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty chưa cao.

Hệ số thanh toán nhanh đo lường khả năng thanh toán nhanh của công ty tại một thời điểm. Hệ số thanh toán nhanh cho thấy Năm 2017 công ty có 0,09 đồng tài sản đảm bảo cho 1 đồng nợ ngắn hạn.

## 5. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### 5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.

- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/02/2018

**Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 22/02/2018**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>267</b>	<b>964.456</b>	<b>9.644.560.000</b>	<b>96,44</b>
1	Tổ chức	18	546.314	5.463.314.000	54,63
2	Cá nhân	249	418.142	4.181.420.000	41,81
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>8</b>	<b>35.557</b>	<b>355.570.000</b>	<b>3,56</b>
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	8	35.557	355.570.000	3,56
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>28.000</b>	<b>280.000.000</b>	<b>2,78</b>
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>275</b>	<b>1.000.013</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>100</b>

Nguồn: Sổ cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 22/02/2018

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn điều lệ

**Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 22/02/2018**

STT	Tên Cổ đông	ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	0100108173	Tòa nhà số 1 Đại lộ Thăng Long, Hà Nội	511.711	5.117.110.000	51,17
2	Đình Quang Huy	035043000037	53-55 Ngõ Huế, P Ngô Thị Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	95.579	955.790.000	9,56
3	Hàn Quốc Cường	011809087	21-T6 khu đô thị Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội	58.600	586.000.000	5,86

Nguồn: Sổ cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 22/02/2018

- **Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 22/02/2018**

**Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 22/02/2018**

STT	Cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần nắm giữ	Giá trị vốn cổ phần VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng	511.711	5.117.110.000	51,17
2	Phạm Văn Luyện	-	-	-
3	Dương Ngọc Dự	557	5.570.000	0,06
4	Mai Anh Tám	16.700	167.000.000	1,67
5	Luyện Công Minh	1.114	11.140.000	0,11
6	Đỗ Xuân Thành	-	-	-
7	Cổ đông khác	-	-	-

*Nguồn: Sổ cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 22/02/2018*

**5.2. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:**

• **Công ty mẹ: Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng nay đổi tên thành Tổng Công ty Viglacera - CTCP**

- Giấy CNĐKDN CTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014

- Địa chỉ: Tầng 16, 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1, Đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

🚧 Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

🚧 Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.

🚧 Đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Kinh doanh phát triển nhà (“Kinh doanh bất động sản”)

- Vốn điều lệ: 2.645.000.000.000 đồng (Hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng)

**Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ** (tại thời điểm 31/12/2017): nắm giữ 511.711 cổ phiếu, tương đương 51,17 % vốn điều lệ

• **Công ty con**

Không có

• **Những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

- Những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với

Không có

## **6. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; Sử dụng những vật liệu tái chế vừa tiết kiệm, có lợi cho môi trường và xã hội; có lợi cho công ty: giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng**

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

## ***BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***

- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- ❖ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**



## 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
1.Doanh thu thuần	42.522.783.424	53.224.754.552
2.Giá vốn hàng bán	34.650.738.063	44.040.417.522
3.Lợi nhuận gộp	7.872.045.361	9.184.337.030
4.Doanh thu tài chính	1.480.315	2.118.043
5.Chi phí tài chính	2.584.923.084	2.285.378.220
6.Chi phí bán hàng	1.892.894.708	2.576.050.648
7.Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.954.807.104	3.208.625.415
8.Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	440.900.780	1.116.400.790
9.Lợi nhuận khác	(95.457.977)	(642.586.379)
10.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	345.442.803	473.814.411
11.Thuế TNDN hiện hành	0	0
12.Lợi nhuận sau thuế TNDN	345.442.803	473.814.411
13.Lãi cơ bản trên cổ phiếu(đồng)	355	487

Năm 2017 thị trường gạch ngói và thị trường xây dựng có nhiều thay đổi và giảm sút so với năm 2016, một phần do các công trình xây dựng nhà nước bắt buộc dùng gạch không nung đòi hỏi Công ty phải có sự đầu tư bài bản, chiến lược đúng mới tồn tại phát triển, sự thay đổi về cơ cấu và chất lượng sản phẩm .... có nhiều ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy qua số liệu báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 so năm 2016:

- ✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 128.371.608 đồng, tỷ lệ 73%.
- ✓ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 675.500.010 đồng, tỷ lệ 40%



## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>27.847.443.486</b>	<b>21.419.118.598</b>
I. Tiền	2.184.116.122	290.232.798
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.261.880.843	2.183.637.681
III. Hàng tồn kho	22.010.580.938	18.701.034.487
IV. Tài sản ngắn hạn khác	390.865.583	244.213.632
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>21.049.297.423</b>	<b>20.998.834.108</b>
I. Tài sản cố định	19.009.355.050	19.289.915.807
II. Tài sản dở dang dài hạn		169.072.561
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		0
IV. Tài sản dài hạn khác	2.039.942.373	1.539.845.740
<b>Tổng tài sản</b>	<b>48.896.740.909</b>	<b>42.417.952.706</b>

Năm 2017 công ty đã đầu tư mới nhà ăn ca và nâng cấp sửa chữa một số hạng mục nhà xưởng nhằm tăng năng lực sản xuất và tăng chất lượng sản phẩm với tổng tiền đầu tư là : **2.078.000.000 đồng**. Trong quá trình sử dụng tài sản công ty đã thực hiện khấu hao máy móc thiết bị phù hợp với chế độ tài chính.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>66.105.164.808</b>	<b>59.971.819.408</b>
I. Nợ ngắn hạn	64.809.459.808	59.971.819.408
II. Nợ dài hạn	1.295.705.000	0
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>(17.208.423.899)</b>	<b>(17.553.866.702)</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>48.896.740.909</b>	<b>42.417.952.706</b>

Về mặt số liệu tổng hợp trên Bảng Cân đối Kế toán phù hợp với số liệu sổ sách chi tiết.

### **3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2018**

#### **3.1. Công tác phát triển sản phẩm**

- ✓ Tiếp tục kiểm tra rà soát, hoàn thiện và phát triển danh mục sản phẩm của Công ty theo định hướng tạo ra các dòng sản phẩm có hiệu quả như ngói và các sản phẩm gạch trang trí, gạch trẻ.
- ✓ Nâng cao giá trị sản phẩm để hệ thống bán hàng có điều kiện phát triển doanh số trên thị trường bán hàng và đem lại động lực cho nhân sự bán hàng trong hệ thống.

#### **3.2. Công tác Marketing**

- ✓ Phối hợp với tổ thực nghiệm ban hành quy trình thử nghiệm sản phẩm để công việc chuẩn xác hơn.
- ✓ Hoàn thiện và xây dựng hệ thống Quy trình, Quy chuẩn công việc để công tác Marketing hướng tới sự chuyên nghiệp, bài bản, hỗ trợ toàn bộ hệ thống bán hàng trong xây dựng các chương trình Marketing truyền thống, hiện đại phù hợp với các chương trình bán hàng, phân khúc thị trường, đối tượng bán hàng.
- ✓ Phát triển quảng bá, truyền thông, thu hút khách hàng tiềm năng qua các kênh trực tiếp, gián tiếp để thông tin về sản phẩm đến với người quan tâm tiện ích, thân thiện, gần gũi nhất trong tiếp cận.
- ✓ Xây dựng kênh bán hàng, và giới thiệu sản phẩm trên trang website của công ty.
- ✓ Xây dựng chương trình quảng cáo trên các phương tiện truyền thông cho các sản phẩm chiến lược như: Ngói và các sản phẩm trang trí.....

#### **3.3. Công tác xây dựng hệ thống bán hàng**

Hoàn thiện và phát triển hệ thống bán hàng tại hai khu vực Miền Bắc – Miền Trung bằng các biện pháp cụ thể:

- ✓ Đào tạo các kỹ năng bán hàng, giao tiếp, kiến thức sản phẩm;
- ✓ Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng khu vực thị trường;
- ✓ Xây dựng chế độ khoán doanh số, thu nhập, chính sách đãi ngộ cho nhân sự bán hàng phù hợp để tạo động lực trong công tác bán hàng.

#### **3.4. Chiến lược kinh doanh**

Sau khi phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong chúng ta có thể rút ra những chiến lược phù hợp cho Công ty:

- ✓ Thách thức vị trí dẫn đầu  
Chúng ta sẽ lấy các mô hình của các công ty dẫn đầu trong ngành gạch ngói tại Việt Nam, mổ xẻ mô hình, học tập họ những điểm mạnh, đặt ra mục tiêu và con đường để dần dần vươn lên bằng và vượt họ. Điều này liên quan đến mọi thứ (mô hình sản xuất, mô hình kinh doanh, sản phẩm, tài chính...)
- ✓ Xây dựng chọn lọc theo thế mạnh.  
Phân tích những điểm nào, mặt nào là thế mạnh của chúng ta để phát triển, tập trung nguồn lực, không phát triển những mặt không có kinh nghiệm cũng như là điểm yếu.
- ✓ Củng cố những chỗ xung yếu.  
Phát hiện những điểm yếu của doanh nghiệp, lên kế hoạch, tiến hành nâng dần để những điểm yếu trở thành trung bình hoặc mạnh.

- ✓ Tập trung đầu tư vào những phân khúc thị trường và sản phẩm có khả năng sinh lời lớn, rủi ro tương đối thấp.

Chúng ta sẽ chọn những sản phẩm dễ sản xuất, phổ thông, giá vừa phải, dễ sử dụng, vòng quay sản phẩm nhanh, chủ yếu bán kênh thương mại... Kèm theo việc phát triển, đầu tư vào hệ thống bán hàng, marketing.

Vì Công ty còn nhiều mặt yếu chúng ta sẽ chọn con đường học hỏi, bắt chước một cách thông minh, sáng tạo, có nghĩa là: nghiên cứu kỹ sản phẩm của các công ty khác, nghiên cứu kỹ thị trường, học tập những điểm tốt... và tạo ra sản phẩm phù hợp nhất với thị trường.

Điểm mấu chốt trong chiến lược sẽ là: vì nguồn lực về tài chính, con người của chúng ta có hạn chúng ta sẽ phát triển theo chiều ngang nhưng hẹp, điều đó có nghĩa là: chúng ta sẽ không đầu tư ngoài ngành, chúng ta sẽ không đầu tư vào các dự án xa rời những điểm mạnh của chúng ta. Trong 2 năm tới tập trung củng cố xây dựng lại những gì chúng ta đang có, loại bỏ những điểm yếu, phát triển điểm mạnh.

Chiến lược tăng trưởng theo chiều sâu: tìm cơ hội để nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp bằng cách mở rộng sản phẩm và thị trường, xâm nhập những thị trường mới, tăng thị phần của những sản phẩm hiện có trên những thị trường hiện tại. Về sản xuất chúng ta sẽ phát triển những dây chuyền có sẵn, tập trung vào điểm mạnh, mở rộng sản xuất, cải tiến và hoàn thiện biến những dây chuyền sản xuất của chúng ta thành hiện đại, từ đó tạo khả năng sinh lời. Đây chính là chiến lược tăng trưởng với chi phí tài chính ít tốn kém nhất. Điều đó phù hợp với tình trạng tài chính của chúng ta.

### **3.5. Công tác kế hoạch và triển khai sản xuất**

Liên tục hoàn thiện công tác kế hoạch và triển khai sản xuất bằng các biện pháp cụ thể:

- ✓ Hoàn thiện đội ngũ nhân sự cán bộ sản xuất phục vụ công tác;
- ✓ Hoàn thiện, xây dựng các Quy trình công việc phù hợp với thực tế và đảm bảo hiệu quả công việc;
- ✓ Lập kế hoạch cụ thể về Nguyên vật liệu, kế hoạch sản xuất cho năm, hàng tháng, hàng quý năm 2018 để tăng tính chủ động nhất trong các khâu phục vụ sản xuất.

### **3.6. Công tác Dự án - xây dựng, sửa chữa**

- ✓ Máy đập ngói 22, nhà lò kéo dài, sân bê tông thành phẩm.
- ✓ Sân phơi SP mộc, hệ xe goòng, Nền nhà phơi mộc, máy đập ngói tự động, hầm sấy sơ cấp.

### **3.7. Công tác tài chính**

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp, hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất, kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2018 và những năm tới.

### **3.8. Công tác tổ chức**

- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.
- ✓ Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.

- ✓ Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.



## ***ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY***

- ❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**
- ❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
- ❖ **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



# **1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

## **1.1. Công tác phát triển sản phẩm**

Trong năm 2017 các cuộc họp Chủ tịch Hội đồng Quản trị trực tiếp chủ trì nhiều nhất và hiệu quả nhất là công tác kiểm tra, hoàn thiện và phát triển sản phẩm hàng sản xuất của Công ty:

Hoàn thiện sản phẩm với chất lượng của sản phẩm được đặt lên hàng đầu bằng việc kiện toàn hệ thống nhà cung cấp nguyên vật liệu chất lượng, uy tín, ổn định

## **1.2. Công tác Marketing**

- ✓ Lên kế hoạch, dự trù, đặt hàng phân bổ các sản phẩm, hỗ trợ bán hàng: quà tặng, hàng mẫu... cho bộ phận kinh doanh và đại lý:
- ✓ Xây dựng kế hoạch quảng cáo sản phẩm trên trang website của công ty.

## **1.3. Công tác xây dựng hệ thống bán hàng**

Để phát triển hàng sản xuất của Công ty về lâu dài bên cạnh việc kiện toàn hệ thống chất lượng, kiện toàn sản xuất từ khâu đầu cho đến khâu cuối để tạo ra các sản phẩm có khả năng đi vào thị trường tốt thì việc xây dựng hệ thống bán hàng hiện đại là rất quan trọng. Trong năm 2017 Phòng Kinh doanh, xây dựng chính sách bán hàng và triển khai bán hàng hoàn thiện các kênh bán hàng theo hướng chủ động, tích cực đi thị trường và mở rộng thị trường.

## **1.4. Công tác hoàn thiện hệ thống xây dựng kế hoạch và triển khai sản xuất**

Lập kế hoạch và triển khai sản xuất là công việc quan trọng để cung ứng hàng đạt yêu cầu về chất lượng, kịp thời cho các phòng bán hàng do đó trong năm 2018 Giám đốc, cán bộ quản lý sản xuất đã thực hiện tốt công tác cung ứng nguyên vật liệu, lập kế hoạch sản xuất, triển khai thực hiện kế hoạch, Các phân xưởng điều độ sản xuất đạt yêu cầu của thị trường.

## **1.5. Công tác tài chính**

- ✓ Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn công ty, với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- ✓ Năm 2017 Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- ✓ Năm 2017 Công ty đã thuê Công ty kiểm toán AASC kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

## **1.6. Công tác tổ chức**

- ✓ Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- ✓ Ban hành các Quy chế quản lý công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị công ty khoa học, hiệu quả.
- ✓ Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.
- ✓ Thực hiện nâng lương cho cán bộ, công nhân viên.

## **2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Trong những năm tới, Công ty vẫn giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ về sản xuất, giữ vững ổn định về kinh doanh, mở rộng qui mô phát triển, tập trung toàn bộ năng lực có thể cả về sức lực và trí tuệ, tiền vốn để xây dựng và phát triển cả về sản xuất kinh doanh.

- ✓ Giữ vững ổn định và phát triển thị trường Tây Bắc và Miền Trung, tập trung trọng tâm vào thị trường các tỉnh khu vực phía Bắc, thị trường các tỉnh miền Trung.
- ✓ Nâng cao chất lượng sản phẩm, coi chất lượng sản phẩm là trách nhiệm đối với xã hội, mang tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển Công ty.
- ✓ Đầu tư thích đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực, yếu tố con người là quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của Công ty.

Tập trung đào tạo đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề, vận hành tốt máy móc thiết bị.

Tổ chức đội ngũ cán bộ công nhân viên-người lao động đông đảo, đoàn kết, dồi dào về kiến thức kỹ thuật, đoàn kết tâm huyết gắn bó với Công ty, lấy đó là động lực chủ yếu thúc đẩy Công ty phát triển.

Tạo dựng một môi trường hoạt động công bằng bình đẳng, khách quan, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể của CBCNV - người lao động; thiết lập kỷ cương trong công tác điều hành, thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty, để hàng năm đạt năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt và lợi nhuận tăng từ 20 – 30%, năm sau cao hơn năm trước; sẽ đưa Công ty thành 1 doanh nghiệp có:

- ✓ Có thương hiệu và văn hóa tiên tiến.



## *QUẢN TRỊ CÔNG TY*

- ❖ **Hội đồng quản trị**
- ❖ **Ban Kiểm soát**
- ❖ **Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**



## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- ✓ Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.
- ✓ Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập, tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.
- ✓ Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.

### 1.2. Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Quý Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
Ông Trần Hải Thuật	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
Ông Tưởng Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
Ông Đinh Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
Bà Đỗ Xuân Hòa	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

1. Ông: Nguyễn Quý Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/08/1965
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	011916731
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Đại mỗ - Nam Từ Liêm - Hà Nội
- Điện thoại:	0904.347.888
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Vật liệu xây dựng
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/1983 – tháng 08/1986	Chiến sỹ C12 – D3 – E141
Từ tháng 09/1986 – tháng 07/1991	Sinh viên Trường Đại học Xây dựng

Từ tháng 11/1992 - tháng 12/1998	Kỹ sư - Quản đốc Phân xưởng Công ty Gốm Xây dựng Hữu Hưng (nay là Công ty CP Viglacera Từ Liêm)
Từ tháng 01/1999 - tháng 09/2003	Phó giám đốc Công ty Gốm Xây dựng Hữu Hưng
Từ tháng 10/2003 - tháng 11/2009	Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm
Từ tháng 12/2009 – tháng 09/2010	Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Viglacera
Từ tháng 12/2009 – tháng 09/2010	Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Viglacera
Từ tháng 10/2010 – 27/01/2014	Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera
Từ 28/01/2014 – 17/05/2014	Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera – CTCP , Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ 18/05/2014 – 21/07/2014	Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera – CTCP , Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh
Từ 22/07/2014 – nay	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera – CTCP , Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh,
Từ 23/04/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Từ Liêm
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Thành viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Viglacera – CTCP; - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Từ Liêm - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>2. Ông: Trần Hải Thuật</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	30/06/1978
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012933163 cấp ngày 06/06/2008 tại CA Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P203 nhà B6, Khu đô thị Mỹ Đình 1, tổ 9 phường Cầu diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại:	04 3883 2400
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/2011 - tháng 09/2006	Cán bộ kỹ thuật Công ty Gốm xây dựng Hữu Hưng
Từ tháng 10/2006 – tháng 03/2011	Phó Giám đốc nhà máy gạch Ngã Cầu
Từ tháng 04/2011 – tháng 09/2015	Giám đốc nhà máy gạch Ngã Cầu
Từ tháng 10/2015 – 01/03/2016	Phó giám đốc Ban gạch ngói Tổng Công ty cổ phần Viglacera, Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Bá Hiến
Từ 02/03/2016 đến nay	Giám đốc Công ty CP Viglacera Đông Anh, Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc Công ty CP Viglacera Đông Anh

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>3. Ông: Tưởng Quốc Tuấn</b>	<b>Chức vụ: Giám đốc, Thành viên HĐQT</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	25/07/1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013041153
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tảo Dương Văn - Ứng Hòa – Hà Tây
- Điện Thoại:	0211.888500
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư vật liệu xây dựng
- Quá trình công tác:	
Từ T8/2000 đến T11/2002	Phó Quản Đốc Công ty gốm xây dựng Hữu Hưng
Từ T11/2002 đến T8/2007	Phó giám đốc nhà máy Công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ T8/2007 đến T10/2013	Giám đốc chi nhánh Viglacera Từ Liêm Công ty cổ phần Viglacera Từ Liêm
Từ T10/2013 đến T5/2014	Phó giám đốc Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ T5/2014 đến nay	Giám đốc công ty, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>4. Ông: Đinh Quang Huy</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	28/08/1943
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012620421
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Lam Hạ, Duy Tiên, Hà Nam
- Điện thoại:	0913.208.727
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Hóa Silicat
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 07/1967 đến tháng 12/1974	Giáo viên trường Kiến Trúc Hà Tây.
Từ tháng 01/1975 đến tháng 12/1981	Phó phòng giáo vụ, Trưởng phòng giáo vụ Trường trung học số 4 – Bộ Xây Dựng.
Từ tháng 1/1982 đến tháng 08/1986	Phó GD xí nghiệp gạch Hữu Hưng- Hà Nội..
Từ tháng 09/1986 đến tháng 12/1993	Giám đốc xí nghiệp gạch Hữu Hưng- Hà Nội
Từ tháng 01/1994 đến tháng 3/1995	Giám đốc công ty gạch Hữu Hưng- Hà Nội
Từ tháng 4/1995 đến tháng 05/1995	Phó Tổng giám đốc TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng.
Từ tháng 6/1995 đến tháng 05/2005	Tổng giám đốc TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng
Từ tháng 06/2005 – 16/04/2009	về nghỉ hưu
Từ ngày 17/04/2009 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Gạch men Viglacera Thăng Long
Từ 22/04/2013 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Viglacera Hạ Long

Từ tháng 6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Tiên Sơn
Từ 28/01/2014 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Thành viên HĐQT Công ty CP Gạch men Viglacera Thăng Long; - Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Viglacera Hạ Long - Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Tiên Sơn
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>5. Bà Đỗ Thị Xuân Hòa</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT</b>
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	20/02/1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	135153394
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Đông Xuân – Phúc Yên – Vĩnh Phúc
- Điện Thoại:	0211.888500
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - ĐH tài chính kế toán
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1995 – 07/2003	Nhân viên kế toán công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 08/2003 – 09/2013	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ tháng 10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	26200 cổ phần, chiếm 2,62% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Chồng: Dương Minh Uy sở hữu 2.431 cổ phần, chiếm 0,24% VĐL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### 1. Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên ban kiểm soát
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên ban kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	02/07/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012045771
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 37 ngõ 2 Giảng Võ, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại:	0982.320.772
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Đại học Tài Chính Kế toán
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/1993 – tháng 07/1996	Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO
Từ tháng 08/1996 – tháng 09/2005	Kế toán viên Tổng công ty Viglacera



Từ tháng 10/2005 – tháng 08/2011	Chuyên viên phòng kiểm soát nội bộ Tổng công ty Viglacera;
Từ tháng 09/2011 – 27/01/2014	Kiểm soát viên Tổng công ty Viglacera
Từ tháng 28/01/2014 – 21/07/2014	Kiểm soát viên Tổng công ty Viglacera, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khoáng sản Viglacera, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Từ Liêm, Trưởng BKS Công ty CP Viglacera Bá Hiến
Từ 22/07/2014 đến nay	Thành viên BKS Tổng Công ty Viglacera – CTCP, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khoáng sản Viglacera, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Từ Liêm, Trưởng BKS Công ty CP Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khoáng sản Viglacera, từ ngày 28/01/2014; - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Từ Liêm, từ ngày 28/01/2014; - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì và Má phanh Viglacera, từ ngày 28/01/2014.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Ông Nguyễn Minh Trường	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	28/08/1965
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	011518314
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội
- Điện thoại:	0912.095.833
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân luật
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1989 – tháng 12/1992	Công nhân sản xuất công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 01/1993 – tháng 12/1994	Công nhân tổ cơ khí công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 01/1995 – tháng 10/1995	Nhân viên phòng hành chính công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 11/1995 – tháng 09/2003	Nhân viên kinh doanh công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 10/2003 – 27/01/2014	Nhân viên kinh doanh ông ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ 28/01/2014 – tháng 06/2014	Nhân viên kinh doanh, thành viên BKS Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Tháng 07/2014 đến nay	Trưởng phòng kinh doanh, thành viên BKS Công ty cổ phần Viglacera bá hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng phòng kinh doanh, thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty	Không

khác	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>3. Ông Đỗ Ngọc Quỳnh</b>	<b>Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	26/02/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	125443834
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
- Điện thoại:	0963.937.236
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Trung cấp nghề điện nước
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 01/1995 – tháng 09/2001	Công nhân công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 10/2001 – tháng 12/2002	Tổ trưởng sản xuất công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 01/2003 – tháng 12/2007	Tổ trưởng sản xuất công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ tháng 01/2008 – 27/01/2014	Đốc công sản xuất công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ 28/01/2014 – tháng 10/2015	Đốc công sản xuất, thành viên BKS công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ tháng 11/2015 đến nay	Thủ kho thành phẩm, thành viên BKS công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thủ kho thành phẩm, thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

### 2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện quy chế hoạt động của BKS, căn cứ điều lệ của công ty, BKS hoạt động độc lập nhưng vẫn theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hàng quý, BKS họp và đánh giá các mặt hoạt động của công ty, đề ra các nhiệm vụ giám sát cụ thể của từng thành viên, các vấn đề cần tập trung giám sát, cụ thể: các NQ của HĐQT, việc điều hành của Ban giám đốc, đầu tư XDCB, thực hiện quy chế được, quản lý tài chính, báo cáo kế toán của các quý, năm, phân phối lợi nhuận,...

BKS đã tham gia, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, cùng HĐQT xây dựng định hướng cho SXKD, đầu tư XDCB đạt hiệu quả.

### 3. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

#### Hội đồng quản trị

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế ( A)	0
2	Thù lao Hội đồng quản trị ( $=3\% \times A$ )	0

#### Ban Kiểm soát

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế ( A)	0
2	Thù lao của BKS ( $=1\% \times A$ )	0

Do công ty còn lỗ lũy kế nhiều nên không chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂN**

***Đại diện Pháp luật***

***(Đã ký)***

**Tưởng Quốc Tuấn**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIẾN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31





## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là Nhà máy Gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222558 (số cũ là 1903000039) do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 24/09/2003, thay đổi lần thứ sáu ngày 13/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quý Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hải Thuật	Thành viên
Ông Trương Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Đỗ Thị Xuân Hòa	Thành viên
Ông Đinh Quang Huy	Thành viên

Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Trương Quốc Tuấn	Giám đốc
----------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Cẩm Vân	Trưởng Ban
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp



- Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Tương Quốc Tuấn**

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến được lập ngày 20/03/2018, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 36,9 tỷ VND, lỗ lũy kế là 35,9 tỷ VND, tương ứng 209% vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
HÃNG KIỂM TOÁN  
AASC

**Đỗ Thị Ngọc Dung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0659-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Duy Quảng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3363-2015-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>27.847.443.486</b>	<b>21.419.118.598</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.184.116.122</b>	<b>290.232.798</b>
111	1. Tiền		2.184.116.122	290.232.798
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.261.880.843</b>	<b>2.183.637.681</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.728.261.093	3.863.857.864
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.291.420.020	733.270.775
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	4.080.487.255	3.539.730.943
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.839.204.900)	(5.953.221.901)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		917.375	-
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>22.010.580.938</b>	<b>18.701.034.487</b>
141	1. Hàng tồn kho		24.326.479.670	21.016.933.219
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.315.898.732)	(2.315.898.732)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>390.865.583</b>	<b>244.213.632</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	341.033.752	194.381.801
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		49.831.831	49.831.831
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>21.049.297.423</b>	<b>20.998.834.108</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>19.009.355.050</b>	<b>19.289.915.807</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	19.009.355.050	19.289.915.807
222	- Nguyên giá		59.099.224.450	56.726.140.209
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.089.869.400)	(37.436.224.402)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>169.072.561</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	169.072.561
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.039.942.373</b>	<b>1.539.845.740</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.039.942.373	1.539.845.740
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>48.896.740.909</b>	<b>42.417.952.706</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>66.105.164.808</b>	<b>59.971.819.408</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>64.809.459.808</b>	<b>59.971.819.408</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.003.363.000	7.091.977.643
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	43.736.227	17.614.055
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	17.315.746.260	15.514.822.400
314	4. Phải trả người lao động		1.826.208.017	1.854.947.913
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	794.600.150	849.468.974
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.071.888.814	9.467.266.259
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	33.732.693.340	25.154.498.164
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.224.000	21.224.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.295.705.000</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.295.705.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(17.208.423.899)</b>	<b>(17.553.866.702)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>(17.208.423.899)</b>	<b>(17.553.866.702)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		10.000.130.000	10.000.130.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.000.130.000	10.000.130.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.364.112.282	1.364.112.282
415	3. Cổ phiếu quỹ		(280.000.000)	(280.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.640.929.865	7.640.929.865
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(35.933.596.046)	(36.279.038.849)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(36.279.038.849)	(36.752.853.260)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		345.442.803	473.814.411
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>48.896.740.909</b>	<b>42.417.952.706</b>

Nguyễn Văn Phương  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Phương  
Phụ trách kế toán

Tường Quốc Tuấn  
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2018







**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	42.522.783.424	53.224.754.552
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.522.783.424	53.224.754.552
11	3. Giá vốn hàng bán	19	34.650.738.063	44.040.417.522
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.872.045.361	9.184.337.030
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.480.315	2.118.043
22	6. Chi phí tài chính	21	2.584.923.084	2.285.378.220
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.584.923.084	2.285.378.220
25	7. Chi phí bán hàng	22	1.892.894.708	2.576.050.648
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.954.807.104	3.208.625.415
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		440.900.780	1.116.400.790
31	10. Thu nhập khác	24	427.015.009	495.072.115
32	11. Chi phí khác	25	522.472.986	1.137.658.494
40	12. Lợi nhuận khác		(95.457.977)	(642.586.379)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		345.442.803	473.814.411
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>345.442.803</u>	<u>473.814.411</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	355	487

  
Nguyễn Văn Phương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Phương  
Phụ trách kế toán

  
Tưởng Quốc Tuấn  
Giám đốc  
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2018



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		345.442.803	473.814.411
	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.123.070.766	4.783.412.043
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.653.644.998	2.644.542.775
03	- Các khoản dự phòng		(114.017.001)	(3.300.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.480.315)	(143.208.952)
06	- Chi phí lãi vay		2.584.923.084	2.285.378.220
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.468.513.569	5.257.226.454
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(964.226.161)	(10.909.784)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.309.546.451)	(8.238.049.288)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.875.136.843)	476.229.991
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(646.748.584)	(451.167.293)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.430.341.017)	(2.133.662.311)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.777.485.487)	(5.100.332.231)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.204.011.680)	(169.072.561)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	141.090.909
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.480.315	2.118.043
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.202.531.365)	(25.863.609)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		67.524.223.368	67.360.869.473
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(57.650.323.192)	(63.483.455.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.873.900.176	3.877.413.633

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.893.883.324	(1.248.782.207)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		290.232.798	1.539.015.005
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.184.116.122	290.232.798

Nguyễn Văn Phương  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Phương  
Phụ trách kế toán



Tường Quốc Tuấn  
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2018



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là Nhà máy Gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222558 (số cũ là 1903000039) do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 24/09/2003, thay đổi lần thứ sáu ngày 13/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.130.000 đồng (Mười tỷ một trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), tương đương với 1.000.013 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải, mua bán vật liệu xây dựng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 36,9 tỷ VND; lỗ lũy kế đến 31/12/2017 là 35,9 tỷ VND; vốn chủ sở hữu âm 17,2 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do Công ty là công ty con của Tổng Công ty Viglacera - CTCP nên được Tổng Công ty hỗ trợ về vốn, công nghệ, nhân sự để đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, Giám đốc Công ty đánh giá rằng các vấn đề nêu trên không ảnh hưởng đáng kể đến giả định về hoạt động liên tục của Công ty.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

## 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại Hội đồng Cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí vay vốn. Khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



## 2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.206.792.741	267.091.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	977.323.381	23.141.552
	<b>2.184.116.122</b>	<b>290.232.798</b>

## 4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Thương mại Đông Á	279.342.518	279.342.518
- Nguyễn Tiến Công	287.971.314	287.971.314
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.160.947.261	3.296.544.032
	<b>3.728.261.093</b>	<b>3.863.857.864</b>

## 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Kiến trúc Bách Việt	-	-	553.896.575	(553.896.575)
- Công ty Tiếp thị và Truyền thông Sao Mai	-	-	100.500.000	(100.500.000)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại Á Châu	775.904.700	-	-	-
- Công ty TNHH Cơ khí Sơn Huy	513.328.800	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.186.520	-	78.874.200	(65.124.200)
	<b>1.291.420.020</b>	<b>-</b>	<b>733.270.775</b>	<b>(719.520.775)</b>

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	960.683.796	-	977.831.875	-
Phải thu khác	3.119.803.459	(2.318.647.399)	2.561.899.068	(1.599.126.624)
- Phải thu tiền ứng thực hiện công trình	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
- Phải thu Công ty CP Thiết bị Máy công trình	765.575.000	(765.575.000)	765.575.000	(765.575.000)
- Phải thu Công Ty Kiến Trúc Bách Việt	553.896.575	(553.896.575)	-	-
- Phải thu Công ty Tiếp thị và Truyền thông Sao Mai	100.500.000	(100.500.000)	-	-
- Các khoản phải thu khác	1.227.831.884	(426.675.824)	1.324.324.068	(361.551.624)
	<b>4.080.487.255</b>	<b>(2.318.647.399)</b>	<b>3.539.730.943</b>	<b>(1.599.126.624)</b>

## 7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Máy công trình	765.575.000	-	765.575.000	-
Các khoản nợ xấu khác	5.100.713.006	27.083.106	5.187.646.901	-
	<b>5.866.288.006</b>	<b>27.083.106</b>	<b>5.953.221.901</b>	<b>-</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.534.090.854	-	14.857.245.427	-
Công cụ, dụng cụ	29.253.395	-	37.772.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.668.935.416	(1.273.312.770)	4.248.176.905	(1.273.312.770)
Thành phẩm	7.094.200.005	(1.042.585.962)	1.873.738.187	(1.042.585.962)
	<b>24.326.479.670</b>	<b>(2.315.898.732)</b>	<b>21.016.933.219</b>	<b>(2.315.898.732)</b>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	280.011.621	155.659.162
- Các khoản khác	61.022.131	38.722.639
	<u><b>341.033.752</b></u>	<u><b>194.381.801</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	681.327.786	755.134.306
- Chi phí sửa chữa lớn	1.310.719.878	680.952.804
- Các khoản khác	47.894.709	103.758.630
	<u><b>2.039.942.373</b></u>	<u><b>1.539.845.740</b></u>



**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	25.082.267.414	24.404.272.552	6.719.802.609	519.797.634	56.726.140.209
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.373.084.241	-	-	-	2.373.084.241
- Tăng do phân loại lại	-	10.000.000	5.000.000	-	15.000.000
- Giảm do phân loại lại	-	-	-	(15.000.000)	(15.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.455.351.655</b>	<b>24.414.272.552</b>	<b>6.724.802.609</b>	<b>504.797.634</b>	<b>59.099.224.450</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	15.080.049.759	17.493.558.135	4.458.753.193	403.863.316	37.436.224.402
- Khấu hao trong năm	1.276.445.574	795.073.280	522.476.448	59.649.696	2.653.644.998
- Tăng do phân loại lại	-	-	4.749.984	18.979.055	23.729.039
- Giảm do phân loại lại	(12.855.094)	(10.873.945)	-	-	(23.729.039)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.343.640.239</b>	<b>18.277.757.470</b>	<b>4.985.979.624</b>	<b>482.492.067</b>	<b>40.089.869.400</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	10.002.217.656	6.910.714.417	2.261.049.417	115.934.318	19.289.915.807
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>11.111.711.416</b>	<b>6.136.515.082</b>	<b>1.738.822.985</b>	<b>22.305.567</b>	<b>19.009.355.050</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.764.319.209 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.363.347.865 VND.



**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đình Phong	1.391.920.370	1.391.920.370	3.250.139.890	3.250.139.890
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ngọc Minh	125.917.038	125.917.038	925.917.038	925.917.038
- Công ty TNHH Thăng Long	403.459.000	403.459.000	122.235.484	122.235.484
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.082.066.592	2.082.066.592	2.793.685.231	2.793.685.231
	<b>4.003.363.000</b>	<b>4.003.363.000</b>	<b>7.091.977.643</b>	<b>7.091.977.643</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)</i>	<b>541.811.345</b>	<b>541.811.345</b>	<b>811.157.505</b>	<b>811.157.505</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.977.554.563	1.902.142.467	854.646.250	-	-	-	-	-	-	-	8.025.050.780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	706.816.518	-	20.000.000	-	-	-	-	-	-	-	686.816.518
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.835.244	6.897.731	1.353.750	6.897.731	1.353.750	-	-	-	-	-	39.379.225
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.550.788.338	676.486.085	279.617.451	676.486.085	279.617.451	-	-	-	-	-	2.947.656.972
Các loại thuế khác	-	5.245.827.737	384.015.028	13.000.000	384.015.028	13.000.000	-	-	-	-	-	5.616.842.765
	-	<b>15.514.822.400</b>	<b>2.969.541.311</b>	<b>1.168.617.451</b>	<b>2.969.541.311</b>	<b>1.168.617.451</b>	-	-	-	-	-	<b>17.315.746.260</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Ban Xây Dựng Đình Sãi Thôn Quang Vinh	15.891.700	-
- Nguyễn Thành Hiếu	9.438.426	325.361
- Trần Thị Trường	8.945.665	2.770.349
- Người mua trả tiền trước khác	9.460.436	14.518.345
	<b>43.736.227</b>	<b>17.614.055</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	575.257.138	420.675.071
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	173.888.467	243.930.357
- Chi phí phải trả khác	45.454.545	184.863.546
	<b>794.600.150</b>	<b>849.468.974</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	295.464	246.012.936
Bảo hiểm xã hội	953.835.296	2.725.234.833
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.822.922.708	4.822.922.708
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	491.070.900	491.070.900
Phải trả người lao động phụ cấp độc hại, tiền ăn ca	80.116.829	224.527.829
Công ty CP Viglacera Hạ Long - Phí chuyển giao công nghệ	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	223.647.617	457.497.053
	<b>7.071.888.814</b>	<b>9.467.266.259</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Bảo hiểm xã hội	742.608.761	2.725.234.833
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.822.922.708	4.822.922.708
Công ty CP Viglacera Hạ Long - Phí chuyển giao công nghệ	500.000.000	500.000.000
	<b>6.065.531.469</b>	<b>8.048.157.541</b>

Công ty đang trong giai đoạn sản xuất kinh doanh khó khăn và bị lỗ nhiều năm nên dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ để chi trả các khoản nợ về Bảo hiểm xã hội cũng như khoản phí chuyển giao công nghệ phải trả Công ty CP Viglacera Hạ Long. Riêng khoản tiền phải trả Tổng Công ty Viglacera - CTCP là khoản tiền cho vay và một số khoản nợ khác Tổng Công ty chưa thu để hỗ trợ Công ty trong giai đoạn khó khăn.



**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong kỳ		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	24.955.276.630	24.955.276.630	65.453.518.368	57.296.101.658	33.112.693.340	33.112.693.340
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	24.955.276.630	24.955.276.630	61.413.782.368	56.424.101.658	29.944.957.340	29.944.957.340
- Vay ngắn hạn đối tượng khác	-	-	4.039.736.000	872.000.000	3.167.736.000	3.167.736.000
Vay dài hạn đến hạn trả	199.221.534	199.221.534	620.000.000	199.221.534	620.000.000	620.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	199.221.534	199.221.534	620.000.000	199.221.534	620.000.000	620.000.000
	<b>25.154.498.164</b>	<b>25.154.498.164</b>	<b>66.073.518.368</b>	<b>57.495.323.192</b>	<b>33.732.693.340</b>	<b>33.732.693.340</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	199.221.534	199.221.534	2.070.705.000	354.221.534	1.915.705.000	1.915.705.000
	<b>199.221.534</b>	<b>199.221.534</b>	<b>2.070.705.000</b>	<b>354.221.534</b>	<b>1.915.705.000</b>	<b>1.915.705.000</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(199.221.534)	(199.221.534)	(620.000.000)	(199.221.534)	(620.000.000)	(620.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	1.295.705.000	1.295.705.000

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
				VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				<b>33.112.693.340</b>	<b>24.955.276.630</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc	VND	Thả nổi	Thế chấp	29.944.957.340	24.955.276.630
- Vay cá nhân	VND	7,5% - 8%	Tín chấp	3.167.736.000	-
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>				<b>620.000.000</b>	<b>199.221.534</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc	VND	Thả nổi	Thế chấp	620.000.000	199.221.534
				<b>33.732.693.340</b>	<b>25.154.498.164</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
					VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	VND	Thả nổi	2021	Thế chấp	1.915.705.000	199.221.534
					<b>1.915.705.000</b>	<b>199.221.534</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(620.000.000)	(199.221.534)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>					<b>1.295.705.000</b>	<b>-</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước (Đã điều chỉnh)	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(35.934.486.564)	(17.209.314.417)
Lỗ trong năm trước (Đã điều chỉnh)	-	-	-	-	473.814.411	473.814.411
Giảm khác	-	-	-	-	(818.366.696)	(818.366.696)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>1.364.112.282</b>	<b>(280.000.000)</b>	<b>7.640.929.865</b>	<b>(36.279.038.849)</b>	<b>(17.553.866.702)</b>
Số dư đầu năm nay	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(36.279.038.849)	(17.553.866.702)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	345.442.803	345.442.803
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>1.364.112.282</b>	<b>(280.000.000)</b>	<b>7.640.929.865</b>	<b>(35.933.596.046)</b>	<b>(17.208.423.899)</b>



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	5.100.066.300	51,00%	5.100.066.300	51,00%
Ông Đình Hải Quang	650.520.000	6,51%	650.520.000	6,51%
Các cổ đông khác	3.969.543.700	39,69%	3.969.543.700	39,69%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	280.000.000	2,80%	280.000.000	2,80%
<b>Cộng</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.000.130.000	10.000.130.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>10.000.130.000</i>	<i>10.000.130.000</i>
- <i>Vốn góp năm</i>	<i>10.000.130.000</i>	<i>10.000.130.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.013	1.000.013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.013	1.000.013
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.013</i>	<i>1.000.013</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	28.000	28.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.000</i>	<i>28.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	972.013	972.013
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>972.013</i>	<i>972.013</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.640.929.865	7.640.929.865
	<b>7.640.929.865</b>	<b>7.640.929.865</b>

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
- <i>Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung</i>	<i>42.522.783.424</i>	<i>53.224.754.552</i>
	<b>42.522.783.424</b>	<b>53.224.754.552</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.650.738.063	44.040.417.522
- Giá vốn bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	34.650.738.063	44.040.417.522
	<b><u>34.650.738.063</u></b>	<b><u>44.040.417.522</u></b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.480.315	2.118.043
	<b><u>1.480.315</u></b>	<b><u>2.118.043</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.584.923.084	2.285.378.220
	<b><u>2.584.923.084</u></b>	<b><u>2.285.378.220</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.239.063.856	2.046.780.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.807.360	6.807.360
Chi phí khác bằng tiền	647.023.492	522.462.645
	<b><u>1.892.894.708</u></b>	<b><u>2.576.050.648</u></b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.995.722.544	2.096.758.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.030.872	86.582.598
Hoàn nhập dự phòng	(114.017.001)	(3.300.000)
Chi phí khác bằng tiền	1.021.070.689	1.028.583.941
	<b><u>2.954.807.104</u></b>	<b><u>3.208.625.415</u></b>

#### 24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	141.090.909
Thu từ xử lý công nợ	51.403.929	-
Thu tiền điện, nước sinh hoạt	117.178.364	133.744.771
Tiền phạt thu được	13.953.050	19.444.850
Hoàn nhập lương phép đã trích thừa các năm trước	107.654.829	-
Ghi nhận thu nhập từ kiểm kê thừa	88.289.837	156.180.244
Các khoản khác	48.535.000	44.611.341
	<b>427.015.009</b>	<b>495.072.115</b>

#### 25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Phạt chậm nộp thuế	381.015.028	487.009.051
Phạt chậm nộp bảo hiểm	71.886.879	520.554.379
Xử lý công nợ	60.947.939	-
Các khoản khác	8.623.140	130.095.064
	<b>522.472.986</b>	<b>1.137.658.494</b>

#### 26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	345.442.803	473.814.411
Các khoản điều chỉnh tăng	1.970.760.096	1.007.563.430
- Chi phí lãi vay	1.449.029.312	-
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.880.938	-
- Các khoản tiền phạt	452.901.907	1.007.563.430
- Xử lý công nợ	60.947.939	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.316.202.899)	(1.481.377.841)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đã tính thuế các năm trước	(121.897.939)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(2.194.304.960)	(1.481.377.841)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	189.174.160
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	706.816.518	517.642.358
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(20.000.000)	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>686.816.518</b>	<b>706.816.518</b>



## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	345.442.803	473.814.411
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	345.442.803	473.814.411
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	972.013	972.013
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>355</b>	<b>487</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.015.537.399	18.352.998.911
Chi phí nhân công	16.898.172.845	18.128.265.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.653.644.998	2.644.542.775
Hoàn nhập dự phòng	(114.017.001)	(3.300.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.138.860.854	4.425.562.933
Chi phí khác bằng tiền	7.547.461.109	6.237.540.175
	<b>47.139.660.204</b>	<b>49.785.610.399</b>

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.184.116.122	-	290.232.798	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.808.748.348	(5.839.204.900)	7.403.588.807	(5.214.498.958)
	<b>9.992.864.470</b>	<b>(5.839.204.900)</b>	<b>7.693.821.605</b>	<b>(5.214.498.958)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	35.028.398.340	25.154.498.164
Phải trả người bán, phải trả khác	11.075.251.814	16.559.243.902
Chi phí phải trả	794.600.150	849.468.974
	<b>46.898.250.304</b>	<b>42.563.211.040</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### **Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.184.116.122	-	-	2.184.116.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.969.543.448	-	-	1.969.543.448
<b>Cộng</b>	<b>4.153.659.570</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.153.659.570</b>



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	290.232.798	-	-	290.232.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.189.089.849	-	-	2.189.089.849
<b>Cộng</b>	<b>2.479.322.647</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.479.322.647</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	33.732.693.340	1.295.705.000	-	35.028.398.340
Phải trả người bán, phải trả khác	11.075.251.814	-	-	11.075.251.814
Chi phí phải trả	794.600.150	-	-	794.600.150
	<b>45.602.545.304</b>	<b>1.295.705.000</b>	<b>-</b>	<b>46.898.250.304</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	25.154.498.164	-	-	25.154.498.164
Phải trả người bán, phải trả khác	16.559.243.902	-	-	16.559.243.902
Chi phí phải trả	849.468.974	-	-	849.468.974
	<b>42.563.211.040</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.563.211.040</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	67.524.223.368	67.360.869.473

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	57.650.323.192	63.483.455.840

**31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>Mua nguyên vật liệu</b>			
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Cùng Công ty mẹ	-	205.132.600
<b>Chi phí in lịch</b>			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	21.800.000	24.000.000
<b>Chi phí đào tạo</b>			
Trường Cao đẳng Viglacera	Cùng Công ty mẹ	12.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	50.380.000	80.418.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	95.624.000	95.624.000
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	Cùng Công ty mẹ	93.302.000	93.302.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Cùng Công ty mẹ	261.272.345	361.272.345
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Cùng Công ty mẹ	-	151.308.160
Trường Cao đẳng Viglacera	Cùng Công ty mẹ	41.233.000	29.233.000
<b>Phải trả khác</b>			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	5.322.922.708	5.322.922.708
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Cùng Công ty mẹ	4.822.922.708	4.822.922.708
		500.000.000	500.000.000



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	216.700.000	263.187.000


#### 34. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chi tiêu đã được điều chỉnh lại do điều chỉnh hồi tố đối với các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, lãi phạt chậm nộp thuế như sau:

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>			
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.953.221.901)	(5.121.293.321)
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(2.315.898.732)	(1.275.653.032)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.514.822.400	10.636.830.803
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(36.279.038.849)	(29.528.872.972)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>	<i>(36.752.853.260)</i>	<i>(30.489.696.434)</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>	<i>473.814.411</i>	<i>960.823.462</i>
<b>b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh</b>			
- Giá vốn hàng bán	19	44.040.417.522	44.040.417.522
- Chi phí khác	25	1.137.658.494	650.649.443
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	473.814.411	960.823.462
<b>c/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>			
- Lợi nhuận trước thuế	01	473.814.411	960.823.462
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	476.229.991	(10.779.060)

  
Nguyễn Văn Phương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Phương  
Phụ trách kế toán

  
Trương Quốc Tuấn  
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2018

